

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-PT

Ngày: 22-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Hồng Ánh

Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là V1); địa chỉ trụ sở chính: Tầng A và tầng B Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng B - Khối Ngân hàng bán lẻ V1.

Địa chỉ: Tầng F Tòa nhà P, số B đường U, phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2021).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H: Ông Võ Duy Thuận T, Chuyên viên chính xử lý nợ VIB. Địa chỉ: Tầng C, số A đường N, phường V, quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 - sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ H, phường N, thành phố Q (nay là phường C), tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hoàng Quốc A - sinh năm 1968;

2/ Bà Nguyễn Thị Bích N - sinh năm 1969;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích N: Ông Hoàng Quốc A - sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2024).

Cùng địa chỉ: Số G đường P, thành phố Q, nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ liên hệ: Tổ A, phường Q, thành phố Q (nay là Tổ A, phường N), tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: V1 là nguyên đơn.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021; các bản tự khai đề ngày 23/6/2021, ngày 24/06/2022, ngày 26/7/2022; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của V1 trình bày:

V1 - Chi nhánh Q1, phòng G ký với bà Nguyễn Thị Hồng T1 Hợp đồng tín dụng số 0201/HĐTD1-VIB413/10 ngày 21/12/2010 để cho bà T1 vay số tiền là 700.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất cho vay bằng lãi suất điều chỉnh vay kinh doanh 01 tháng của V1 + 4%/năm, 01 tháng thay đổi 1 lần. Lãi suất cho vay thay đổi theo chính sách của V1 tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật; gốc trả một lần vào cuối kỳ, lãi trả hàng tháng.

Ngày 23/12/2010, V1 đã giải ngân cho bà T1 theo Khế ước nhận nợ số 0210.01/KUNN1-VIB413/10 với số tiền 700.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 15/4/2011. Tính đến ngày 19/8/2024, bà T1 đã trả cho V1 392.589.053 đồng tiền gốc và 40.322.292 đồng tiền lãi; còn nợ VIB số tiền 307.410.947 đồng tiền nợ gốc, 108.470.833 đồng tiền nợ lãi trong hạn, và 2.371.259.479 đồng tiền nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 2.787.141.259 đồng.

Ngày 01/12/2021, bà T1 đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ gốc và nợ lãi đối với VIB, được thể hiện bằng văn bản do bà T1 tự đánh máy, ký tên và gửi qua mạng xã hội Zalo đến tài khoản của người đại diện hợp pháp của V1 là ông Trần Tiến L.

Nay, VIB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải trả tổng số tiền là 2.787.141.259 đồng tính đến ngày 19/8/2024 và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

** Tại bản tự khai đề ngày 25/6/2021, ngày 25/5/2023, ngày 07/6/2023 ngày 18/6/2024; Đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đề ngày 28/9/2021; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:*

Thời điểm năm 2010, bà là nhân viên Công ty của ông Hoàng Quốc A, bà Nguyễn Thị Bích N. Khi đó ông A, bà N có nhờ bà vay VIB số tiền 700.000.000 đồng. Vì thân tình nên bà đồng ý đứng tên vay, trực tiếp ký hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và nhận tiền vay của V1. Sau khi nhận tiền vay bà chuyển hết số tiền vay cho ông A, bà N sử dụng, bà không sử dụng tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông A, bà N là người có nghĩa vụ trả nợ cho V1, bà không quan tâm đến nữa; đến khi VIB khởi kiện bà đến Tòa án bà mới biết còn nợ VIB.

Ngày 28/9/2021, bà làm đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu gửi đến Tòa án ngày 01/10/2021 với nội dung: “Năm 2010 tôi có vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Quốc A và bà Nguyễn Thị Bích N. Sau khi vay tôi không có tiền trả nợ nên Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Từ đó đến nay Ngân hàng không hề có thông báo yêu cầu trả nợ hay làm việc gì với tôi về việc thực hiện hợp đồng trả nợ gốc và lãi. Nay Ngân hàng lại khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thì tôi nhận thấy thời gian từ khi vay cho đến nay đã quá lâu (10 năm), tài sản thế chấp thì Ngân hàng đã bán nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xem xét áp dụng thời hiệu đình chỉ việc khiếu kiện”.

Bà không yêu cầu khởi kiện phản tố vấn đề gì đối với nguyên đơn; không yêu cầu, khởi kiện gì đối với ông Hoàng Quốc A, bà Nguyễn Thị Bích N. Bà thừa nhận thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VIB là ngày 15/4/2011. Bà T1 đồng ý tiếp tục trả nợ gốc cho VIB số tiền là 307.410.947 đồng, nợ lãi trong hạn là 108.470.833 đồng và trả nợ lãi quá hạn cho VIB từ ngày 15/4/2011 đến ngày 15/4/2014 và từ ngày 02/12/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bà T1 thừa nhận vào ngày 02/12/2021 bà có tự đánh máy, ký tên và gửi qua mạng xã hội Zalo đơn xin miễn tiền lãi đến tài khoản của người đại diện hợp pháp của V1 là ông Trần Tiến L.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/12/2021; Bản tự khai đề ngày 25/5/2023, ngày 06/6/2023; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Quốc A, bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 là nhân viên cũ của Công ty TNHH D ông và bà N làm chủ. Năm 2010, ông và bà N có nhờ bà T1 đứng tên vay giùm 700.000.000 đồng tại V1, vợ chồng ông đã dùng tài sản của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho V1. Vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền mà bà T1 đã vay là 700.000.000 đồng, vợ chồng ông là người trả lãi cho Ngân hàng, sau đó do khó khăn không trả được nợ nên ông và bà N đã giao toàn bộ tài sản thế chấp để VIB thu hồi trả nợ. Việc VIB đã xử lý tài sản thế chấp, ông và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì, không có yêu cầu, ý kiến gì về việc xử lý và trừ nợ của V1, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Bản án số 63/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền còn nợ tính đến ngày 19/8/2024 là 1.260.380.147 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng*); trong đó: Nợ gốc là 307.410.947 đồng (*Ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng*), lãi trong hạn là 108.470.833 đồng (*Một trăm lẻ tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn: 844.498.367 đồng (*T2 trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*).

2. Kể từ ngày 20/8/2024, bà Nguyễn Thị Hồng T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0201/HĐTD-VIB413/10 ngày 21/12/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q về lãi quá hạn là 1.526.761.112 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn một trăm mười hai đồng*).

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phải chịu 57.802.833 đồng (*Năm mươi bảy triệu, tám trăm lẻ hai nghìn tám trăm ba mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 43.459.109 đồng (*Bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn một trăm lẻ chín đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007348 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q còn phải chịu 14.343.724 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 29/8/2024, V1 có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải trả nợ lãi quá hạn cho VIB từ ngày 16/4/2014 đến ngày 02/12/2021 1.526.761.112 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của V1 đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm số 63/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) về cách tuyên và án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 19/8/2024, Tòa án nhân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) xét xử vụ án. Ngày 29/8/2024, nguyên đơn là VIB có Đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của V1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại giai đoạn xét xử vụ án ở cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận: Ngày 21/12/2010 giữa V1 và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có ký kết hợp đồng tín dụng số 0201/HĐTD1-VIB413/10 với nội dung bà T1 vay của V1 700.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 01 tháng của V1 + 4%/năm, một tháng thay đổi một lần, lãi suất cho vay thay đổi theo chính sách của V1 tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật; ngày 23/12/2010, V1 giải ngân đủ số tiền vay 700.000.000 đồng và thời điểm bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vào ngày 15/4/2011. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Ngày 26/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi) nhận Đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 của V1 yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải trả nợ gốc, lãi cho V1 đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 0201/HĐTD1-VIB413/10 ngày 21/12/2010. Đến ngày 28/9/2021, bà T1 có Đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) nhận đơn yêu cầu nêu trên vào ngày 01/10/2021. Như vậy, căn cứ Điều 429 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của V1 đã cung cấp hình ảnh đối với Đơn xin miễn tiền lãi đề ngày 02/12/2021 của bà T1 có nội dung: *“Năm 2010, tôi có đứng tên vay dùm số tiền 700.000.000 đồng của Ngân hàng cho ông Hoàng Quốc A và bà Nguyễn Thị Bích N trên tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chị; vì thời gian này tôi đang là nhân viên của anh Hoàng Quốc A và chị Nguyễn Thị Bích N. Năm 2021, Ngân hàng khởi kiện tôi ra Tòa án về khoản vay này; buộc tôi phải trả gốc và lãi trên 02 tỷ đồng. Nhưng hoàn cảnh của tôi rất khó khăn, tôi làm*

việc ở UBND phường, phụ cấp là 2 triệu đồng/tháng; nên không có khả năng trả phần lãi cho Ngân hàng. Nay tôi viết đơn này, kính gửi Ngân hàng xem xét, giải quyết cho tôi miễn giảm toàn bộ tiền lãi và nợ tiền gốc là 315 triệu đồng. Theo đó, V1 cho rằng thời hiệu khởi kiện phải tính lại từ đầu kể từ ngày 03/12/2021 nên bà T1 phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho V1 tính từ ngày 15/4/2011 đến ngày 19/8/2024 với tổng số tiền là 2.787.141.259 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2024 (bút lục số 225b) và tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 trình bày: Ngày 02/12/2021, bà có làm đơn xin miễn lãi gửi qua Zalo cho ông Trần Tiến L; bà yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu tính lãi của bà; bà đồng ý trả tiền gốc vay cho V1 là 307.410.947 đồng, tiền lãi trong hạn là 108.470.833 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 15/4/2011 đến ngày 15/4/2014 và từ ngày 02/2/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại bản án sơ thẩm đã nhận định: “...từ thời điểm ngày 15/4/2011 đến ngày 15/4/2014 và từ ngày 03/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, bị đơn bà T1 chấp nhận thanh toán tiền nợ lãi trong hạn và tiền nợ lãi quá hạn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính lãi trong thời gian này. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về tiền lãi từ ngày 16/4/2014 đến ngày 02/12/2021 thì đại diện Ngân hàng không chứng minh được đã thông báo nhưng bị đơn không trả nợ, đồng thời không trong thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự”.

[2.4] Xét lời trình bày của các đương sự, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.4.1] Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền lợi yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Tại Khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.”

Tại Điều 217 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau: “...Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước

khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết”.

[2.4.2] Như vậy, thời hiệu khởi kiện là một khoảng thời gian xác định được, trường hợp chủ thể được quyền khởi kiện không thực hiện quyền khởi kiện trong khoảng thời gian này thì sẽ bị mất quyền khởi kiện và việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện trong một số trường hợp là chỉ để xác định lại thời điểm bắt đầu thực hiện quyền khởi kiện của chủ thể được quyền khởi kiện. Các bên thừa nhận ngày 15/4/2011 là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhưng đến ngày 09/3/2021 V1 mới có đơn khởi kiện bà T1 tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi) là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Ngày 28/9/2021, bà T1 có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu gửi đến Tòa án ngày 01/10/2021. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của VIB về tiền nợ lãi quá hạn do hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[2.5] Đối với đơn xin miễn tiền lãi đề ngày 02/12/2021, bà T1 gửi cho V1 trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, do đó không thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng bà T1 đồng ý trả lãi cho VIB từ ngày 15/4/2011 đến ngày 15/4/2014 và từ ngày 02/2/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 19/8/2024; bà T1 đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của V1. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hết thời hiệu nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên chưa đầy đủ, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa cách tuyên tại phần quyết định cho chính xác.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Hồng T1 là người khuyết tật và đã có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phần quyết định của bản án không tuyên bà T1 được miễn án phí sơ thẩm là chưa đầy đủ.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Hoàn trả cho VIB số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.459.109 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007348 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi).

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên VIB phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0003590 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi).

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 150, Điều 155, Điều 157, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 429, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 14, 15 và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q; sửa bản án sơ thẩm số 63/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) về cách tuyên và án phí.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/8/2024 là 1.260.380.147 đồng (*Một tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 307.410.947 đồng (*Ba trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm bốn mươi bảy đồng*), tiền nợ lãi trong hạn là 108.470.833 đồng (*Một trăm lẻ tám*

triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), tiền nợ lãi quá hạn từ ngày 15/4/2011 đến ngày 15/4/2014 và từ ngày 03/12/2021 đến ngày 19/8/2024 là 844.498.367 đồng (*T2 trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng*).

2. Kể từ ngày 20/8/2024, bà Nguyễn Thị Hồng T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0201/HĐTD-VIB413/10 ngày 21/12/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/4/2014 đến ngày 02/12/2021 là 1.526.761.112 đồng (*Một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, một trăm mười hai đồng*) do hết thời hiệu khởi kiện.

4. Về án phí dân sự:

4.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 là người khuyết tật và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.459.109 đồng (*Bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, một trăm lẻ chín đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007348 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003590 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi). Ngân hàng TMCP Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa